CÁC MẶT HÀNG THÉP THỨ PHẨM, PHỤ PHẨM TẠI HOA SEN NGHỆ AN

Stt	Tên hàng hóa	Kho	Giá trị đặt cọc (triệu đồng/lô)	Khối lượng ước tính (tấn)	Số lượng bao tiêu ước tính (tấn/tháng)	
					Min (tấn)	Max (tấn)
1	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 50 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	60	50		
2	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 100 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	120	100		
3	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 150 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	180	150		
4	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 200 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	240	200		
5	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 250 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	300	250		
6	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 350 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	420	350		
7	Biên thép kẽm lạnh	HSNA (Đông Hồi)	100		60	100
8	Tôn tấm thứ phẩm các loại (**Ghi chú: dự kiến 70 - 80% hàng có độ dày < 0.57mm và 20 - 30% hàng có độ dày ≥ 0.57mm)**	HSNA (Đông Hồi)	40		10	30
9	Tôn thép thứ phẩm các loại	HSNA (Đông Hồi)	185		100	200
10	Tôn thép thứ phẩm các loại	HSNA (Nam Cấm)	10		5	10
11	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm **(Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100kg)** Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm **(Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100kg)**	**HSNA (Đông Hồi)**	**300**		**100**	**200**
12	Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57 mm Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57 mm	**HSNA (Đông Hồi)**	**120**		**30**	**80**
13	Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm **(Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100kg)** Tôn kẽm màu thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm **(Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100kg)**	**HSNA (Đông Hồi)**	**110**		**20**	**60**
14	Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm **(Ghi chú: bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100kg)**	HSNA (Đông Hồi)	70		20	60
15	Thép hộp kẽm thứ phẩm	HSNA (Nam Cấm)	20		10	20
16	Hợp kim nhôm (dạng xỉ)	HSNA (Đông Hồi)	50		10	30
17	Hợp kim kẽm (dạng xỉ)	HSNA (Đông Hồi)	160		10	30
18	Biên thép cán nóng 5 – 20 mm - **Lô 50 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	60	50		
19	Biên thép cán nóng 5 – 20 mm - **Lô 100 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	120	100		
20	Biên thép cán nóng 5 – 20 mm - **Lô 150 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	180	150		
21	Biên thép cán nóng 5 – 20 mm - **Lô 200 tấn**	HSNA (Đông Hồi)	240	200		
22	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	HSNA (Nam Cấm)	70		30	50

CÁC MẶT HÀNG THÉP THỨ PHẨM, PHỤ PHẨM TẠI HOA SEN YÊN BÁI

Stt	Tên hàng hóa	Kho	Giá trị đặt cọc (triệu đồng/lô)	Khối lượng ước tính (tấn)	Số lượng bao tiêu ước tính (tấn/tháng)	
					Min (tấn)	Max (tấn)
1	Tôn thép thứ phẩm các loại	HSYB	10		5	7
2	Thép hộp kẽm thứ phẩm	HSYB	10		3	10
3	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	HSYB	45		15	30

CÁC MẶT HÀNG THÉP THỨ PHẨM, PHỤ PHẨM TẠI HOA SEN HÀ NAM - HẢI DƯƠNG

Stt	Tên hàng hóa	Kho	Giá trị đặt cọc (triệu đồng/lô)	Khối lượng ước tính (tấn)	Số lượng bao tiêu ước tính (tấn/tháng)	
					Min (tấn)	Max (tấn)
1	Tôn tấm (dạng bao bì)	HSHN-HD	10		3	8

CÁC MẶT HÀNG THÉP THỨ PHẨM, PHỤ PHẨM TẠI HOA SEN BÌNH ĐỊNH

Stt	Tên hàng hóa	Kho	Giá trị đặt cọc (triệu đồng/lô)	Khối lượng ước tính (tấn)	Số lượng bao tiêu ước tính (tấn/tháng)	
					Min (tấn)	Max (tấn)
1	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 100 tấn**	HS Nhơn Hội	110	100		
2	Thép cán nguội Pubcoil – **Lô 150 tấn**	HS Nhơn Hội	160	150		
3	Biên thép kẽm lạnh	HS Nhơn Hội	45		30	50
4	Tôn tấm thứ phẩm các loại (**Ghi chú: dự kiến 70% hàng có độ dày < 0.57mm và 30% hàng có độ dày ≥ 0.57mm)**	HS Nhơn Hội	55		20	40
5	Tôn tấm (dạng bao bì)	HS Nhơn Hòa	10		4	7
6	Tôn thép thứ phẩm các loại	HS Nhơn Hội	45		30	50
7	Tôn thép thứ phẩm các loại	HS Nhơn Hòa	15		5	15
8	Sắt thép thứ phẩm cơ khí	HS Nhơn Hội	15		10	15
9	Sắt thép thứ phẩm cơ khí	HS Nhơn Hòa	5		2	5
10	Thép hộp kẽm thứ phẩm	HS Nhơn Hòa	30		25	35
11	Hợp kim nhôm (dạng xỉ)	HS Nhơn Hội	40		15	25
12	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1 – **Lô 25 tấn**	HS Nhơn Hòa	40	25		
13	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1 – **Lô 30 tấn**	HS Nhơn Hòa	50	30		
14	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1 – **Lô 35 tấn**	HS Nhơn Hòa	60	35		

CÁC MẶT HÀNG THÉP THỨ PHẨM, PHỤ PHẨM TẠI HOA SEN HÀ NAM

Stt	Tên hàng hóa	Kho	Giá trị đặt cọc (triệu đồng/lô)	Khối lượng ước tính (tấn)	Số lượng bao tiêu ước tính (tấn/tháng)	
					Min (tấn)	Max (tấn)
1	Biên thép kẽm lạnh	HSHN	35		25	35
2	Tôn tấm (dạng bao bì)	HSHN	15		8	16
3	Tôn thép thứ phẩm các loại	HSHN	5		3	6
4	Sắt thép thứ phẩm cơ khí	HSHN	5		2	4
5	Thép hộp kẽm thứ phẩm	HSHN	20		13	20
6	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	HSHN	50		25	35

Nơi giao hàng:

1. **Nhà máy HSNA (Đông Hồi):** Lô CN 1-8, KCN Đông Hồi, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai,Nghệ An (Sđt: 0949.243.308 - **Mr. Linh**).
2. **Nhà máy HSNC (Nam Cấm):** KCN Nam Cấm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. (Sđt: 0949.243.308 - **Mr. Linh**).
3. **Nhà máy HSHN-HD:** Km 34+300 Quốc lộ 5 Thôn Phương Độ, xã Hưng Thịnh, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương (Sđt: 0982.919.045 - **Mr. Kế**).
4. **Nhà máy HS Nhơn Hòa Bình Định:** Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 KCN Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, T. Bình Định. (Sđt: 01664.670.329 - **Mr. Lâm**).
5. **Nhà máy HS Nhơn Hội Bình Định:** Thôn Hội Sơn, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định (Sđt: 0977.755.047 - **Mr. Bảo**).
6. **Nhà máy HS Hà Nam:** CCN Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam (Sđt: 0915.517.727- **Mr. Quyết**).
7. **Nhà máy HS Yên Bái**: Thôn Đồng Danh xã Minh Quân huyện Trấn Yến, Tỉnh Yên Bái. (Sđt: 01675.104.402 - **Mr. Dũng).**